



Lexmark™

Hướng dẫn thông tin sản phẩm

© 2016 Lexmark International, Inc.

Tất cả các quyền được bảo lưu.

Thương hiệu

Lexmark và logo Lexmark là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Lexmark International, Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Tất cả thương hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

Nội dung

Tổng quan.....	5
Thông tin an toàn.....	9
Thông tin môi trường.....	12
Thông tin về quy định.....	18

Tổng quan

Tài liệu này trình bày thông tin cơ bản về sự an toàn, môi trường và quy định đối với sản phẩm của bạn. Một số nội dung có thể không áp dụng cho máy in. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập

<http://support.lexmark.com>.

Bạn có thể xem thêm thông báo, thông tin pháp lý và thông tin về giấy phép liên quan đến sản phẩm này trong phần Thông báo của máy in CD và *Hướng dẫn sử dụng*.

Bạn có thể nhận các phiên bản sửa đổi của mã nguồn thuộc phạm vi của Giấy phép Công cộng GNU Hạn chế (LGPL) bằng cách liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng.

Lịch sử thay đổi tài liệu

Ngày	Nội dung thay đổi
Tháng 6 năm 2024	<ul style="list-style-type: none"> Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: CS963, CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655. Đã thêm thông báo cho người dùng tại Thái Lan.
Tháng 4 năm 2023	<ul style="list-style-type: none"> Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C2335, CS531, CS632, CS639, CS737, CX532, CX635, CX737, M3350, MS531, MS631, MS632, MS639, MX532, MX632, XC2335, XM3350. Đã thêm thông báo cho người dùng sản phẩm tại Brazil. Đã thêm tuyên bố chứng nhận hợp quy theo tiêu chuẩn kỹ thuật NBTC của Thái Lan. Đã cập nhật thông tin về việc trả lại hộp mực cho Lexmark để tái sử dụng hoặc tái chế. Đã cập nhật thông báo CCC EMC cho các sản phẩm loại A. Đã cập nhật thông báo BSMI EMC cho các sản phẩm loại A.
Tháng 10 năm 2022	Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: MX432, XM3142.
Tháng 4 năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: CS943, CX930, CX931, CX942, CX943, CX944, MX931, XC9325, XC9335, XC9445, XC9455, XC9465. Cập nhật thông báo viễn thông Nhật Bản. Đã cập nhật thông báo NCC.
Tháng 1 năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C4342, C4352, CS730, CS735, CX730, CX735, XC4342, XC4352. Thêm thông báo về pin sạc lithium-ion (dành cho Liên minh Châu Âu). Thêm thông báo WEEE của Thổ Nhĩ Kỳ. Cập nhật tuyên bố về thông báo NCC RF. Thêm thông tin về hộ chiếu kỹ thuật số. Thêm tuyên bố về khả năng áp dụng Quy định (Liên minh Châu Âu) 2019/2015 và (Liên minh Châu Âu) 2019/2020. Cập nhật Thông báo cho người dùng mạng điện thoại New Zealand. Cập nhật thông tin về Chế độ ngủ.

Ngày	Nội dung thay đổi
Tháng 2 năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C2326, M1342, XC2326, XM1342. • Thêm tuyên bố tuân thủ Vương quốc Anh (UK). • Cập nhật tuyên bố tuân thủ chỉ thị của Cộng đồng Châu Âu (EC). • Cập nhật thông báo về nhiễu sóng vô tuyến cho các sản phẩm loại A. • Cập nhật thông báo về chất thải điện tử (E-Waste) của Ấn độ. • Thêm thông tin về các sản phẩm đã đăng ký EPEAT.
Tháng 9 năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: XC4143, XC6153, XC8163, XC9225. • Đổi tên Bộ Công nghiệp Canada thành Bộ Đổi mới, Khoa học và Phát triển Kinh tế Canada. • Cập nhật tuyên bố tuân thủ chỉ thị của Cộng đồng Châu Âu (EC). • Cập nhật thông tin RoHS của Trung Quốc.
Tháng 5 năm 2020	<p>Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: CS439, MS439.</p>
Tháng 4 năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: B3340, B3442, C3426, CS431, CX431, MB3442, MC3426, MS331, MS431, MX331, MX431, XC4153. • Cập nhật tuyên bố về Chế độ ngủ.
Tháng 7 năm 2019	<ul style="list-style-type: none"> • Cập nhật thông tin phân loại thiết bị và thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C4150, CS720, CS725, CS725R, CS727, CS728, CX725, CX725R, CX727, XC4140, XC4150. • Thêm thông báo pháp lý cho các mẫu máy RFID. • Cập nhật thông báo an toàn về cách nâng máy in. • Thêm tuyên bố tuân thủ cho mô-đun fax trong MB2236. • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C3224, C3326, CS331, CX331, MB2236, MC3224, MC3326. • Thêm thông tin về chính sách bảo mật của Lexmark quy định việc sử dụng sản phẩm. • Cập nhật tuyên bố về Chế độ ngủ. • Cập nhật chủ đề Quy ước để loại bỏ cảnh báo thận trọng về việc cánh quạt quay. • Xóa thông báo an toàn về việc cánh quạt quay.
Tháng 1 năm 2019	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: B2236, MB2236. • Cập nhật chủ đề Quy ước để thêm cảnh báo thận trọng về các bộ phận chuyển động. • Thêm thông báo an toàn về các bộ phận chuyển động. • Cập nhật thông báo viễn thông Nhật Bản. • Cập nhật thông tin BSMI RoHS. • Cập nhật tuyên bố về thông báo NCC RF.
Tháng 6 năm 2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: B2865, C2240, C2325, C2425, C2535, CS421, CS521, CS622, CX421, CX522, CX622, CX625, M5255, M5270, MB2770, MC2325, MC2425, MC2535, MC2640, MS725, MS821, MS822, MS823, MS825, MS826, MX721, MX722, MX725, MX822, MX826, XC2235, XC4240, XM5365, XM5370, XM7355, XM7370. • Cập nhật phần nội dung về tổng mức sử dụng năng lượng. • Cập nhật thông báo về chất thải điện tử (E-Waste) của Ấn độ. • Cập nhật thông báo viễn thông Nhật Bản. • Cập nhật tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada (Canada). • Cập nhật tuyên bố về thông báo NCC RF. • Cập nhật tuyên bố tuân thủ chỉ thị của Cộng đồng Châu Âu (EC) liên quan đến thiết bị vô tuyến.

Ngày	Nội dung thay đổi
Tháng 4 năm 2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm thông tin về việc sử dụng bộ phận và vật tư chính hãng Lexmark. • Đã cập nhật thông báo cho người dùng mạng điện thoại Hoa Kỳ. • Cập nhật thông báo cho người dùng mạng điện thoại Canada.
Tháng 3 năm 2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: B2338, B2442, B2546, B2650, M1242, M1246, M3250, MB2338, MB2442, MB2546, MB2650, MS321, MS421, MS521, MS621, MS622, MX321, MX421, MX521, MX522, MX622, XM1242, XM1246, XM3250. • Cập nhật thông tin BSMI RoHS. • Cập nhật thông tin tái chế. • Cập nhật thông báo cho người dùng mạng điện thoại New Zealand. • Cập nhật tuyên bố thông tin tuân thủ của Ủy ban Truyền thông Liên bang (FCC).
Tháng 8 năm 2017	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C9235, CS921, CS923, CS927, CX920, CX921, CX922, CX923, CX924, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265. • Cập nhật thông báo về máy fax. • Thêm thông báo pháp lý cho các sản phẩm không dây.
Tháng 6 năm 2017	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: CS727, CS728, CS827, CX727, CX827. • Cập nhật thông tin BSMI RoHS. • Cập nhật thông tin RoHS của Trung Quốc.
Tháng 9 năm 2016	<p>Thêm thông báo an toàn về các kiểu máy in không phù hợp để sử dụng ở những nơi có khả năng có mặt trẻ em.</p>
Tháng 8 năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm kiểu máy in XC4140. • Cập nhật các chỉ thị của Cộng đồng Châu Âu và thông báo về nhiễu sóng vô tuyến. • Xóa thông báo viễn thông của Liên minh Châu Âu.
Tháng 3 năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> • Thêm loại máy và số hiệu mẫu máy cho các sản phẩm sau: C4150, C6160, CS820, CS720, CS725, CX725, CX820, CX825, CX860, XC6152, XC8155, XC8160, XC4150. • Thêm thông báo về sản phẩm Loại A cho Brazil. • Đã thêm thông tin BSMI RoHS. • Sửa đổi thông báo an toàn về việc kết nối dây viễn thông.
Tháng 1 năm 2016	<p>Phát hành tài liệu ban đầu cho các sản phẩm sau: C4150, C6160, CS820, CS720, CS725, CX725, CX820, CX825, CX860, XC6152, XC8155, XC8160, XC4150.</p>

Tìm thông tin về máy in

Bạn đang tìm thông tin gì?	Hãy tìm ở đây
<p>Các thông tin bổ sung mới nhất, các bản cập nhật và hỗ trợ khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài liệu • Tải xuống trình điều khiển • Hỗ trợ trò chuyện trực tiếp • Hỗ trợ qua email • Hỗ trợ bằng giọng nói 	<p>http://support.lexmark.com</p> <p>Lưu ý: Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn, sau đó chọn sản phẩm của bạn để xem trang hỗ trợ thích hợp.</p> <p>Bạn có thể tìm thấy số điện thoại hỗ trợ và giờ làm việc ở quốc gia hoặc khu vực của bạn trên trang web hỗ trợ hoặc trên giấy bảo hành đi kèm với máy in.</p> <p>Chuẩn bị sẵn các thông tin sau đây khi bạn liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa điểm và ngày mua hàng • Loại máy và số seri

Bạn đang tìm thông tin gì?	Hãy tìm ở đây
Thông tin về cách thiết lập, cấu hình và sử dụng các tính năng trợ năng của máy in	Hướng dẫn về trợ năng tại http://support.lexmark.com
Thông tin bảo hành	Thông tin bảo hành khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực: <ul style="list-style-type: none">• Tại Hoa Kỳ—Hãy xem Tuyên bố bảo hành có giới hạn đi kèm với máy in, hoặc truy cập http://support.lexmark.com.• Ở các quốc gia và khu vực khác—Xem bảo hành được in đi kèm với máy in.
Thông tin về hệ chiếu kỹ thuật số của Lexmark	https://csr.lexmark.com/digital-passport.php

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật của Lexmark, hãy truy cập trang <http://support.lexmark.com>.

Để biết thông tin về chính sách bảo mật của Lexmark chi phối việc sử dụng sản phẩm này, hãy truy cập trang www.lexmark.com/privacy.

Để biết thông tin về vật tư và các bản tải xuống, hãy truy cập trang www.lexmark.com.

Thông tin an toàn







Quy ước

Lưu ý: *Lưu ý* xác định các thông tin hữu ích dành bạn.








Cảnh báo: *Cảnh báo* xác định tác nhân có thể làm hỏng phần cứng hoặc phần mềm của sản phẩm.











CHÚ Ý: *Chú ý* chỉ báo một tình huống nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây thương tích cho bạn.





Các loại thông báo chú ý khác nhau bao gồm:

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Cho biết rủi ro bị thương.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Cho biết rủi ro điện giật.
-  **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Cho biết rủi ro bị bỏng nếu chạm vào.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Chỉ báo nguy cơ bị nghiền.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ KẸP:** Cho biết rủi ro bị kẹt giữa các bộ phận chuyển động.
-  **KHUYẾN CÁO—BỘ PHẬN CHUYỂN ĐỘNG:** Cho biết rủi ro chấn thương gây rách hoặc trầy da từ các bộ phận quay.

Tuyên bố về sản phẩm

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không sử dụng sản phẩm này với dây nối dài, ổ cắm điện nhiều lỗ, bộ mở rộng nhiều ổ cắm, hoặc thiết bị UPS. Công suất nguồn của các loại phụ kiện này có thể dễ dàng bị máy in laser làm quá tải và có thể dẫn đến rủi ro hỏa hoạn, thiệt hại tài sản, hoặc hiệu suất máy in kém.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Chỉ có thể sử dụng Bộ chống sốc điện nội tuyến của Lexmark được kết nối chuẩn xác giữa máy in và dây nguồn được cung cấp kèm theo máy in với sản phẩm này. Sử dụng thiết bị chống sốc điện không phải của Lexmark có thể dẫn đến rủi ro hỏa hoạn, hư hỏng tài sản, hoặc hiệu suất máy in kém.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để giảm rủi ro hỏa hoạn, chỉ sử dụng dây viễn thông từ 26 AWG trở lên (RJ-11) khi kết nối sản phẩm này với mạng điện thoại chuyển mạch công cộng. Đối với người dùng ở Úc, loại dây này phải được Cơ quan thông tin và truyền thông Úc phê duyệt.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không đặt hoặc sử dụng sản phẩm này gần nước hoặc vị trí ẩm ướt.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bão sét.

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không cắt, cuộn, buộc, nhét hoặc đặt các vật nặng lên dây nguồn. Không để dây nguồn bị mòn hoặc kéo căng. Không kẹp chặt dây nguồn giữa các đồ vật như bàn ghế và tường. Nếu bất kỳ điều nào trong số này xảy ra, sẽ có rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật. Kiểm tra dây nguồn thường xuyên xem có dấu hiệu sự cố như vậy không. Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện trước khi kiểm tra.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, hãy đảm bảo tất cả kết nối bên ngoài (chẳng hạn như hệ thống Ethernet và điện thoại) được lắp đặt đúng cách vào cổng cắm đã đánh dấu.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không sử dụng tính năng fax khi có bão sét.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và rút toàn bộ cáp khỏi máy in trước khi tiến hành.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có 2 người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Khi di chuyển máy in, hãy làm theo các hướng dẫn sau đây để tránh thương tích cá nhân hoặc hư hỏng máy in:
- Đảm bảo tất cả các cửa và khay đã được đóng.
 - Tắt máy in, và sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
 - Ngắt kết nối tất cả dây điện và cáp ra khỏi máy in.
 - Nếu máy in có các khay tùy chọn đặt sàn riêng biệt hoặc tùy chọn đầu ra kèm theo máy, hãy tháo chúng ra trước khi di chuyển máy in.
 - Nếu máy in có đế bánh xe, hãy cẩn thận di chuyển máy đến vị trí mới. Hãy cẩn trọng khi di chuyển qua các bậc cửa và các khe nứt trên nền nhà.
 - Nếu máy in không có đế bánh xe nhưng được thiết lập bằng các khay tùy chọn hoặc tùy chọn đầu ra, hãy tháo các tùy chọn đầu ra và nhấc máy in ra khỏi khay. Không cố gắng nâng máy in và các tùy chọn bất kỳ cùng lúc.
 - Luôn sử dụng tay cầm trên máy in để nâng máy in lên.
 - Xe đẩy dùng để di chuyển máy in phải có bề mặt đỡ được toàn bộ khung máy in.
 - Các xe đẩy dùng để di chuyển các tùy chọn phần cứng đều phải có bề mặt có thể hỗ trợ kích thước của các tùy chọn.
 - Giữ máy in ở vị trí thẳng đứng.
 - Tránh va chạm mạnh.
 - Đảm bảo không để tay bên dưới máy in khi đặt máy xuống.
 - Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh máy in.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Lắp đặt một hoặc nhiều tùy chọn trên máy in hoặc MFP có thể cần có đế bánh xe, đồ đạc hoặc tính năng khác để tránh tình trạng mất ổn định gây ra thương tích. Để biết thêm thông tin về cấu hình được hỗ trợ, vui lòng xem www.lexmark.com/multifunctionprinters.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm nguy cơ mất ổn định của thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần.
-  **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ KẸP:** Để tránh rủi ro chấn thương do bị kẹp, hãy thận trọng ở những khu vực được đánh dấu bằng nhãn này. Chấn thương do bị kẹp có thể xảy ra xung quanh các bộ phận chuyển động như bánh răng, cửa, khay và nắp.
-  **KHUYẾN CÁO—BỘ PHẬN CHUYỂN ĐỘNG:** Để tránh rủi ro chấn thương bị rách hoặc trầy da, hãy để tay tránh xa các bộ phận chuyển động ở những khu vực được đánh dấu bằng nhãn này. Có thể xảy ra chấn thương từ các bộ phận chuyển động xung quanh bánh răng và các bộ phận quay khác.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Sản phẩm này sử dụng laze. Việc sử dụng các nút điều khiển hoặc điều chỉnh hoặc thực hiện quy trình khác với quy định trong *Hướng dẫn sử dụng* có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ nguy hiểm.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không được thay thế pin lithium trong sản phẩm này. Có nguy cơ phát nổ nếu thay pin lithium không đúng cách. Không được sạc lại, tháo rời hoặc đốt pin lithium. Thải bỏ pin lithium đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định địa phương.

Các sản phẩm sau không phù hợp để sử dụng tại những nơi có khả năng có mặt trẻ em:

C4150, C4342, C4352, C6160, C9235, CS720, CS725, CS725R, CS727, CS728, CS730, CS735, CS737, CS820, CS827, CS921, CS923, CS927, CX725, CX725R, CX727, CX730, CX735, CX737, CX820, CX825, CX827, CX860, CX920, CX921, CX922, CX923, CX924, XC4140, XC4143, XC4150, XC4153, XC4342, XC4352, XC6152, XC6153, XC8155, XC8160, XC8163, XC9225, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265

Sản phẩm này được thiết kế, kiểm nghiệm và phê duyệt để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt trên toàn cầu với việc sử dụng các bộ phận của nhà sản xuất cụ thể. Các tính năng an toàn của một số bộ phận có thể không phải lúc nào cũng rõ ràng. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về việc sử dụng các bộ phận thay thế khác.

Hãy đề cập về dịch vụ hoặc sửa chữa, ngoài những điều được mô tả trong tài liệu người dùng, với người đại diện dịch vụ.

LƯU NHỮNG HƯỚNG DẪN NÀY.

Thông tin môi trường

ENERGY STAR

Bất kỳ sản phẩm Lexmark nào có biểu tượng ENERGY STAR® trên sản phẩm hoặc trên màn hình khởi động đều được chứng nhận tuân thủ các yêu cầu về ENERGY STAR của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) kể từ ngày sản xuất.



Mức tiêu thụ điện

Mức tiêu thụ điện của sản phẩm

Bảng sau đây ghi lại đặc tính tiêu thụ điện của sản phẩm theo watt (W).

Lưu ý: Một số chế độ có thể không áp dụng cho sản phẩm của bạn.

Kiểu máy	Chế độ hoạt động						
	In	Sao chép	Quét	Sẵn sàng	Ngủ	Ngủ đông	Tắt
B2236	460 W	Không áp dụng	Không áp dụng	4 W	1,2 W	Không áp dụng	0,1 W
B2338, MS321	520 W	Không áp dụng	Không áp dụng	7 W	1,8 W	0,1 W	0,1 W
B2442, M1242, MS421	570 W	Không áp dụng	Không áp dụng	7,5 W	1,6 W	0,1 W	0,1 W
B2546, M1246, MS521	620 W	Không áp dụng	Không áp dụng	8 W	2,0 W	0,1 W	0,1 W
B2650, M3250, MS621, MS622	670 W	Không áp dụng	Không áp dụng	9,5 W	1,1 W	0,1 W	0,1 W
B2865, MS823	800 W	Không áp dụng	Không áp dụng	20 W	1,6 W	0,2 W	0,2 W
B3340, MS331	550 W	Không áp dụng	Không áp dụng	5,5 W	0,9 W	0,1 W	0,1 W
B3442, M1342, MS431, MS439	570 W	Không áp dụng	Không áp dụng	4,9 W	0,9 W	0,1 W	0,1 W
C2240, CS622	570 W	Không áp dụng	Không áp dụng	22,5 W	1,4 W	0,2 W	0,2 W
C2325	400 W	Không áp dụng	Không áp dụng	20,5 W	1,4 W	0,2 W	0,2 W
C2326, C3426, CS431, CS439	400 W	Không áp dụng	Không áp dụng	17 W	1,2 W	Không áp dụng	0,1 W
C2335, CS531	514 W	Không áp dụng	Không áp dụng	20,8 W	1,0 W	0,2 W	0,2 W
C2425, CS421	400 W	Không áp dụng	Không áp dụng	22 W	1,2 W	0,2 W	0,2 W
C2535	530 W	Không áp dụng	Không áp dụng	22 W	1,6 W	0,2 W	0,2 W
C3224	385 W	Không áp dụng	Không áp dụng	15,5 W	0,9 W	Không áp dụng	0,1 W
C3326, CS331	395 W	Không áp dụng	Không áp dụng	15 W	0,8 W	Không áp dụng	0,1 W

Kiểu máy	Chế độ hoạt động						
	In	Sao chép	Quét	Sẵn sàng	Ngủ	Ngủ đông	Tắt
C4150, CS725, CS728	680 W	Không áp dụng	Không áp dụng	45 W	2,2 W	0,3 W	0,2 W
C4342, CS730	610 W	Không áp dụng	Không áp dụng	27 W	1,0 W	0,1 W	0,1 W
C4352, CS735	740 W	Không áp dụng	Không áp dụng	25 W	1,0 W	0,1 W	0,1 W
C6160, CS820, CS827	800 W	Không áp dụng	Không áp dụng	45,4 W	1,3 W	0,3 W	0,2 W
C9235, CS921, CS927	575 W	Không áp dụng	Không áp dụng	140 W	1,0 W	0,2 W	0 W
CS521	530 W	Không áp dụng	Không áp dụng	22 W	1,3 W	0,2 W	0,2 W
CS632, CS639	574 W	Không áp dụng	Không áp dụng	21,3 W	1,0 W	0,2 W	0,2 W
CS720, CS727	560 W	Không áp dụng	Không áp dụng	45 W	2,4 W	0,2 W	0,2 W
CS737	740 W	Không áp dụng	Không áp dụng	25 W	1,0 W	0,1 W	0,1 W
CS923	1050 W	Không áp dụng	Không áp dụng	200 W	2,1 W	0,2 W	0 W
CS943	767 W	Không áp dụng	Không áp dụng	76 W	1,3 W	0,1 W	0,1 W
CS963	767 W	Không áp dụng	Không áp dụng	76 W	1,3 W	0,1 W	0,1 W
CX331, MC3326	395 W	385 W	24 W	17 W	1,1 W	Không áp dụng	0,1 W
CX421, MC2325, MC2425	400 W	425 W	25 W	25 W	2,2 W	0,2 W	0,2 W
CX431, MC3426, XC2326	400 W	395 W	21 W	17,5 W	1,3 W	Không áp dụng	0,1 W
CX522, MC2535, XC2235	530 W	485 W	28,5 W	26,5 W	1,4 W	0,2 W	0,2 W
CX532, XC2335	518 W	549 W	37,1 W	25,5 W	1,3 W	0,2 W	0,2 W
CX622	580 W	560 W	29,5 W	28,5 W	1,7 W	0,2 W	0,2 W
CX625, XC4240	580 W	540 W	28 W	29,5 W	1,8 W	0,2 W	0,2 W
CX635	587 W	606 W	37,1 W	29 W	1,3 W	0,2 W	0,2 W
CX725, CX727, XC4150, XC4153,	700 W	460 W	85 W	40,6 W	1,7 W	0,2 W	0,2 W
CX730, XC4342	630 W	640 W	44,5 W	31,5 W	1 W	0,1 W	0,1 W
CX735, XC4352	760 W	800 W	45 W	32 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
CX737	760 W	800 W	45 W	32 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
CX820, CX827, XC6152, XC6153	760 W	870 W	115 W	70 W	1,5 W	0,3 W	0,2 W
CX825, XC8155	825 W	650 W	110 W	63 W	1,4 W	0,3 W	0,2 W
CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655	840 W	880 W	136 W	96 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
CX860, XC8160, XC8163	870 W	650 W	115 W	64,3 W	1,5 W	0,3 W	0,2 W
CX920, XC9225	575 W	600 W	230 W	220 W	2,8 W	0,2 W	0 W
CX921, XC9235	675 W	700 W	230 W	220 W	1,5 W	0,2 W	0 W
CX922, XC9245	1000 W	1075 W	250 W	230 W	2,7 W	0,2 W	0 W
CX923, XC9255	1075 W	1100 W	250 W	230 W	2,8 W	0,2 W	0 W

Kiểu máy	Chế độ hoạt động						
	In	Sao chép	Quét	Sẵn sàng	Ngủ	Ngủ đông	Tắt
CX924, XC9265	1250 W	1275 W	250 W	230 W	1,2 W	0,2 W	0 W
CX930, XC9325	381 W	434 W	103 W	72 W	1,1 W	0,1 W	0,1 W
CX931, XC9335	477 W	540 W	120 W	93 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
CX942, XC9445	710 W	780 W	136 W	96 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
CX943, XC9455	790 W	880 W	132 W	88 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
CX944, XC9465	840 W	870 W	125 W	88 W	1,2 W	0,1 W	0,1 W
M3350, MS632	669 W	Không áp dụng	Không áp dụng	7,7 W	1,0 W	0,1 W	0,1 W
M5255, MS821, MS822	670 W	Không áp dụng	Không áp dụng	21,5 W	1,4 W	0,2 W	0,2 W
M5270, MS825, MS826	830 W	Không áp dụng	Không áp dụng	21 W	1,4 W	0,2 W	0,2 W
MB2236adw	460 W	460 W	Không áp dụng	5,5 W	1,2 W	Không áp dụng	0,1 W
MB2236adwe	460 W	460 W	9,5 W	6,0 W	1,1 W	Không áp dụng	0,2 W
MB2338, MX321	520 W	550 W	14,5 W	10,5 W	1,3 W	0,1 W	0,1 W
MB2442, MX421, XM1242	570 W	590 W	17,5 W	11,5 W	1,3 W	0,1 W	0,1 W
MB2546, MX521	620 W	630 W	20 W	14,5 W	1,5 W	0,1 W	0,1 W
MB2650, XM3250	670 W	680 W	23,5 W	16,5 W	2,5 W	0,1 W	0,1 W
MB2770, MX722, XM5370	850 W	890 W	73 W	32 W	1,9 W	0,2 W	0,2 W
MB3442, MX431adw, XM1342	580 W	600 W	14 W	7,5 W	1,1 W	0,1 W	0,1 W
MC2640	580 W	560 W	29,5 W	28,5 W	1,9 W	0,2 W	0,2 W
MC3224adwe	385 W	385 W	22 W	17 W	1,1 W	Không áp dụng	0,1 W
MC3224dwe	385 W	385 W	Không áp dụng	17 W	1,1 W	Không áp dụng	0,1 W
MS531	644 W	Không áp dụng	Không áp dụng	6,8 W	0,9 W	0,1 W	0,1 W
MS631	657 W	Không áp dụng	Không áp dụng	7,1 W	0,9 W	0,1 W	0,1 W
MS639	657 W	Không áp dụng	Không áp dụng	7,1 W	0,9 W	Không áp dụng	0,1 W
MS725	720 W	Không áp dụng	Không áp dụng	108 W	1,3 W	0,2 W	0,2 W
MX331	530 W	550 W	13 W	6,5 W	0,8 W	0,1 W	0,1 W
MX431adn	580 W	600 W	14 W	7 W	0,9 W	0,1 W	0,1 W
MX432, XM3142	580 W	600 W	14 W	7 W	0,9 W	0,1 W	0,1 W
MX522	620 W	630 W	20 W	14,5 W	1,4 W	0,1 W	0,1 W
MX532	649 W	684 W	23,5 W	13,4 W	1,0 W	0,1 W	0,1 W
MX632, XM3350	662 W	684 W	24,8 W	15,3 W	1,1 W	0,1 W	0,1 W
MX622	670 W	680 W	23,5 W	16,5 W	1,8 W	0,1 W	0,1 W
MX721, XM5365	800 W	830 W	75 W	31 W	1,7 W	0,2 W	0,2 W
MX725	810 W	870 W	158 W	124 W	1,6 W	0,1 W	0,1 W
MX822, XM7355	690 W	750 W	84 W	32,1 W	1,8 W	0,2 W	0,2 W
MX826, XM7370	850 W	900 W	86 W	34,5 W	2,9 W	0,2 W	0,2 W

Kiểu máy	Chế độ hoạt động						
	In	Sao chép	Quét	Sản sàng	Ngủ	Ngủ đông	Tắt
MX931	455 W	490 W	130 W	87 W	1,1 W	0,2 W	0,1 W
XC4140, XC4143	700 W	460 W	85 W	42,7 W	1,7 W	0,2 W	0,2 W
XM1246	620 W	630 W	20 W	14,5 W	1,4 W	0,1 W	0,1 W

Các mức tiêu thụ điện được liệt kê trong bảng trước đó thể hiện phép đo trung bình theo thời gian. Mức rút điện tức thời có thể cao hơn đáng kể so với mức trung bình. Giá trị có thể thay đổi.

Vui lòng truy cập www.lexmark.com để biết các giá trị hiện tại.

Chế độ ngủ

Sản phẩm này được thiết kế với chế độ tiết kiệm năng lượng gọi là *Chế độ ngủ*. Chế độ ngủ tiết kiệm năng lượng bằng cách giảm mức tiêu thụ điện trong thời gian dài không hoạt động. Chế độ ngủ được tự động kích hoạt sau khi sản phẩm không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định, được gọi là *Thời gian chờ chế độ ngủ*.

Thời gian chờ chế độ ngủ mặc định gốc cho sản phẩm này (tính bằng phút):	MS725 và MX725: 5 Tất cả mẫu máy khác: 15
--	--

Bằng cách sử dụng menu cấu hình, bạn có thể thay đổi Thời gian chờ của chế độ ngủ trong khoảng từ 1 phút đến 120 phút, hoặc từ 1 phút đến 114 phút, tùy vào kiểu máy in. Nếu tốc độ in từ 30 trang/phút trở xuống, bạn chỉ có thể đặt thời gian chờ tối đa là 60 phút hoặc 54 phút, tùy vào kiểu máy in. Cài đặt Thời gian chờ chế độ ngủ ở giá trị thấp sẽ giảm mức tiêu thụ năng lượng, nhưng có thể tăng thời gian phản hồi của sản phẩm. Cài đặt Thời gian chờ chế độ ngủ ở giá trị cao duy trì phản hồi nhanh, nhưng sử dụng nhiều năng lượng hơn.

Một số mẫu máy hỗ trợ *Chế độ ngủ sâu* giúp giảm hơn nữa mức tiêu thụ điện năng sau một khoảng thời gian dài máy in không hoạt động.

Chế độ ngủ đông

Sản phẩm này được thiết kế với chế độ hoạt động tiêu thụ điện năng cực thấp được gọi là *Chế độ ngủ đông*. Khi hoạt động ở Chế độ ngủ đông, tất cả hệ thống và thiết bị khác đều được tắt nguồn an toàn.

Có thể bật Chế độ ngủ đông bằng bất kỳ phương pháp nào dưới đây:

- Sử dụng Thời gian chờ ngủ đông
- Sử dụng Lên lịch chế độ nguồn

Thời gian chờ ngủ đông mặc định gốc cho sản phẩm này ở tất cả quốc gia hoặc khu vực	3 ngày
---	--------

Khoảng thời gian máy in chờ sau khi đã in lệnh in trước khi máy in chuyển sang Chế độ ngủ đông có thể được sửa đổi trong khoảng từ một giờ cho đến một tháng.

Lưu ý về các sản phẩm thiết bị quét ảnh đã đăng ký EPEAT:

- Mức công suất dự phòng xảy ra ở chế độ Ngủ đông hoặc Tắt.
- Sản phẩm sẽ tự động giảm nguồn đến mức công suất dự phòng là ≤ 1 W. Chức năng tự động dự phòng (Ngủ đông hoặc Tắt) sẽ được kích hoạt khi vận chuyển sản phẩm.

Chế độ tắt

Nếu sản phẩm này có chế độ tắt mà vẫn tiêu thụ một lượng điện nhỏ, hãy ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện để dừng hoàn toàn mức tiêu thụ điện của sản phẩm.

Tổng mức sử dụng năng lượng

Việc ước tính tổng mức sử dụng năng lượng của sản phẩm đôi lúc sẽ rất hữu ích. Vì công bố mức tiêu thụ điện năng được đưa ra theo đơn vị công suất là Watts, nên mức tiêu thụ điện năng phải được nhân với thời gian sử dụng sản phẩm ở mỗi chế độ để tính toán mức sử dụng năng lượng. Tổng mức sử dụng năng lượng của sản phẩm là tổng mức sử dụng năng lượng của từng chế độ.

Thải bỏ sản phẩm

Không vứt bỏ máy in hoặc vật tư giống như rác thải sinh hoạt thông thường. Tham vấn chính quyền địa phương để có phương án xử lý và tái chế.

Tái chế

Lexmark cung cấp các chương trình thu thập sản phẩm và biện pháp tái chế cấp tiến giúp bảo vệ môi trường. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem:

- Báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại www.lexmark.com/environment
- Chương trình tái chế Lexmark tại www.lexmark.com/recycle
- 利盟激光打印机回收计划请访问
http://www.lexmark.com/zh_cn/products/supplies-and-accessories/collection-and-recycling-program.htm
- 利盟激光耗材回收行动请访问
<http://cn.lexmark.com/hc-minisite/lexmark-minisite.htm>

Tái chế sản phẩm Lexmark

Cách gửi lại sản phẩm Lexmark để tái chế:

- 1 Truy cập www.lexmark.com/recycle.
- 2 Chọn sản phẩm mà bạn muốn tái chế.

Lưu ý: Bạn có thể tái chế vật tư và phần cứng máy in không được liệt kê trong Chương trình thu thập và tái chế của Lexmark tại trung tâm tái chế tại địa phương.

Tái chế bao bì của Lexmark

Lexmark không ngừng nỗ lực giảm thiểu bao bì. Việc sử dụng ít bao bì hơn giúp đảm bảo máy in Lexmark được vận chuyển theo cách hiệu quả nhất và thân thiện nhất với môi trường, đồng thời ít phải thải bỏ bao bì hơn. Cách hiệu quả này giúp giảm khí thải nhà kính, tiết kiệm năng lượng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Lexmark cũng cung cấp dịch vụ tái chế các thành phần bao bì ở một số quốc gia hoặc khu vực. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào www.lexmark.com/recycle, rồi chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn. Thông tin về các chương trình tái chế bao bì hiện có được cung cấp cùng với thông tin tái chế sản phẩm.

Thùng các-tông Lexmark có thể được tái chế 100% tại các cơ sở tái chế bao bì dạng uốn nếp. Các cơ sở này có thể không tồn tại trong khu vực của bạn.

Miếng xốp dùng trong bao bì của Lexmark có thể được tái chế tại các cơ sở tái chế xốp. Các cơ sở này có thể không tồn tại trong khu vực của bạn.

Khi gửi lại hộp mực đến Lexmark, bạn có thể tái sử dụng chiếc hộp chứa hộp mực. Lexmark tái chế chiếc hộp đó.

Sử dụng các bộ phận và vật tư chính hãng Lexmark

Máy in Lexmark được thiết kế để hoạt động tốt nhất với các bộ phận và vật tư chính hãng của Lexmark. Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, độ tin cậy, hoặc tuổi thọ của máy in cũng như các bộ phận tạo ảnh của máy in. Điều này cũng có thể ảnh hưởng đến việc bảo hành. Hư hỏng do sử dụng các bộ phận và vật tư của bên thứ ba không được bảo hành. Tất cả chỉ báo tuổi thọ được thiết kế để hoạt động với các bộ phận và vật tư của Lexmark, và có thể dẫn đến kết quả không lường trước được nếu sử dụng các bộ phận và vật tư của bên thứ ba. Sử dụng bộ phận tạo ảnh quá thời hạn sử dụng dự kiến có thể làm hỏng máy in Lexmark hoặc các bộ phận liên quan của máy in.

Thông tin về quy định

Thông báo pháp lý về thiết bị đầu cuối viễn thông

Phần này trình bày thông tin pháp lý liên quan đến sản phẩm có chứa thẻ fax analog:

Để xác định xem sản phẩm của bạn có tính năng fax hay không, hãy xem *Hướng dẫn sử dụng* hoặc truy cập vào <http://support.lexmark.com>.

Thông báo pháp lý về các sản phẩm không dây

Phần này chứa thông tin quy định chỉ áp dụng cho các kiểu máy không dây.

Nếu bạn không chắc rằng kiểu máy của bạn có phải là kiểu máy không dây hay không, hãy truy cập <http://support.lexmark.com>.

Thông báo thành phần mô-đun

Các kiểu máy không dây có một trong những thành phần mô-đun sau đây:

Số hiệu mẫu máy/Loại quy định của Lexmark LEX-M07-001; FCC ID:IYLLLEXM07001; IC:2376A-LEXM07001
Số hiệu mẫu máy/Loại quy định của Lexmark LEX-M08-001; FCC ID:IYLLLEXM08001; IC:2376A-LEXM08001
Mẫu máy AzureWave Technologies, Inc.: AW-CM276NF; FCC ID:TLZ-CM276NF; IC:6100A-CM276NF
Lexmark MarkNet N8450 / Mẫu máy AzureWave Technologies, Inc.: AW-CM467-SUR; FCC ID:TLZ-CM467;
IC:6100A-CM467

Để xác định thành phần mô-đun nào được lắp đặt trong một sản phẩm cụ thể, hãy tham khảo nhãn trên sản phẩm thực tế của bạn.

Tiếp xúc với bức xạ tần số vô tuyến

Công suất đầu ra bức xạ phát ra của thiết bị này thấp hơn nhiều so với giới hạn tiếp xúc tần số vô tuyến của FCC và các cơ quan quản lý khác. Phải duy trì khoảng cách tối thiểu là 20 cm (8 inch) giữa ăng-ten và bất kỳ người nào cho thiết bị này để đáp ứng các yêu cầu tiếp xúc RF của FCC và các cơ quan quản lý khác.

Thông báo pháp lý về sản phẩm RFID

Phần này trình bày thông tin pháp lý chỉ áp dụng cho kiểu máy RFID hoặc các kiểu máy sau:

CS725R, CX725R

Thông báo về thành phần mô-đun (RFID)

Các kiểu máy RFID có thành phần mô-đun sau:

Số hiệu mẫu máy/Loại quy định của Lexmark: FCC ID:IYL0528RFU; IC:2376A-0528RFU

Tiếp xúc với bức xạ tần số vô tuyến

Công suất đầu ra bức xạ phát ra của thiết bị này thấp hơn nhiều so với giới hạn tiếp xúc tần số vô tuyến của FCC và các cơ quan quản lý khác. Đối với thiết bị này, phải duy trì khoảng cách tối thiểu là 20 cm (8 inch) giữa ăng-ten và bất kỳ người nào để đáp ứng các yêu cầu về tiếp xúc tần số vô tuyến của FCC và cơ quan quản lý khác.

Sản phẩm loại A

Tên sản phẩm	Loại máy	Số mẫu máy
B2865 (B2865dw), M5255, M5270, MS725 (MS725dvn), MS821 (MS821n, MS821dn), MS822 (MS822de), MS823 (MS823n, MS823dn), MS825 (MS825dn), MS826 (MS826de)	4064	210, 230, 235, 295, 410, 430, 438, 630, 635, 695, 830
C2240, CS622 (CS622de)	5029	636, 696
C4150, CS720 (CS720de, CS720dte), CS725 (CS725de, CS725dte), CS725R, CS727 (CS727de), CS728 (CS728de)	5028	1A5, 6A0, 6A9
C4342 (C4342de), C4352 (C4352de), CS730 (CS730de), CS735 (CS735de), CS737 (CS737dze)	5030	235, 239, 635, 695, 835
C6160, CS820 (CS820de, CS820dte, CS820dtfe), CS827 (CS827de)	5063	530, 539, 571
C9235, CS921 (CS921de), CS923 (CS923de), CS927 (CS927de)	5059	130, 190, 530
CS632 (CS632dwe), CS639	5031	635, 675 (có dây), 685 (không dây)
CS943 (CS943de)	5080	435
CS963 (CS963e)	5066	680
CX622 (CX622ade, CX622de), CX625 (CX625ade, CX625adhe, CX625de), MC2640 (MC2640adwe), XC4240	7529	636, 686, 836, 838, 898
CX635 (CX635adwe)	7531	676 (có dây), 686 (không dây)
CX725 (CX725de, CX725dhe, CX725dthe), CX725R, CX727 (CX727de), XC4140, XC4143, XC4150, XC4153	7528	1A9, 5A6, 5A8, 5A9
CX730 (CX730de), CX735 (CX735adse), CX737 (CX737adzse), XC4342, XC4352	7530	236, 239, 678, 679, 878
CX820 (CX820de, CX820dtfe), CX827 (CX827de), XC6152 (XC6152de, XC6152dtfe), XC6153 (XC6153, XC6153de)	7563	136, 137, 196, 197
CX825 (CX825de, CX825dte, CX825dtfe), CX860 (CX860de, CX860dte, CX860dtfe), XC8155 (XC8155de, XC8155dte), XC8160 (XC8160de, XC8160dte), XC8163	7564	336, 337, 536, 537, 596, 598
CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655	7566	688, 698
CX920 (CX920de), CX921 (CX921de), CX922 (CX922de), CX923 (CX923de, CX923dte, CX923dxe), CX924 (CX924dte, CX924dxe), XC9225, XC9235, XC9245, XC9255, XC9265	7559	078, 178, 198, 378, 398, 578, 598, 778, 798
CX930 (CX930dse), CX931 (CX931dse, CX931dtse), CX942 (CX942adse), CX943 (CX943adtse, CX943adxse), CX944 (CX944adtse, CX944adxse), XC9325, XC9335, XC9445, XC9455, XC9465	7580	138, 198, 238, 298, 478, 498, 678, 698, 878, 898
M3250, MS622 (MS622de)	4600	835, 895

Tên sản phẩm	Loại máy	Số mẫu máy
MB2546 (MB2546adwe), MX521 (MX521de, MX521ade), MX522 (MX522adhe, MX522dhe), XM1246	7017	636, 676, 678, 679, 686
MB2650 (MB2650adwe), MX622 (MX622ade, MX622adhe, MX622de), XM3250	7018	676, 678, 679, 686
MB2770 (MB2770adwe), MX721 (MX721ade, MX721adhe), MX722 (MX722ade, MX722adhe, MX722de, MX722dhe), MX725 (MX725adve), XM5365, XM5370	7464	036, 037, 096, 336, 337, 388, 396, 836
MX532 (MX532adwe), MX632 (MX632adwe), XM3350	7020	476 (có dây), 486 (không dây), 676 (có dây), 686 (không dây), 689
MX822 (MX822ade, MX822adxe, MX822de), MX826 (MX826ade, MX826adxe, MX826de), XM7355 (XM7355, XM7355b), XM7370	7465	436, 496, 836, 896
MX931 (MX931dse)	7450	238, 298

Thông báo nhiễu sóng vô tuyến

Cảnh báo

Đây là sản phẩm tuân thủ các yêu cầu phát thải thuộc giới hạn EN 55032 Loại A và các yêu cầu miễn nhiễm EN 55035. Sản phẩm này không được thiết kế để sử dụng trong môi trường dân cư/trong nhà.

Đây là sản phẩm Loại A. Trong môi trường trong nhà, sản phẩm này có thể gây nhiễu sóng vô tuyến, và trong trường hợp này, người dùng có thể cần phải thực hiện đầy đủ các biện pháp.

Sản phẩm Loại B

Tên sản phẩm	Loại máy	Số hiệu mẫu máy
B2236 (B2236dw)	1400	438
B2338 (B2338dw), B2442 (B2442dw), B2546 (B2546dw), B2650 (B2650dw), M1242, M1246, MS321 (MS321dn), MS421 (MS421dn, MS421dw), MS521 (MS521dn), MS621 (MS621dn)	4600	230, 238, 430, 438, 490, 630, 638, 690, 830, 838
B3340 (B3340dw), B3442 (B3442dw), M1342, MS331 (MS331dn), MS431 (MS431dn, MS431dw), MS439 (MS439dn)	4601	230, 280, 4a0, 480, 489
C2325 (C2325dw), C2425 (C2425dw), C2535 (C2535dw), CS421 (CS421dn), CS521 (CS521dn)	5029	038, 230, 238, 430, 438
C2335, CS531 (CS531dw)	5031	270 (có dây), 280 (không dây), 290
C2326, C3224 (C3224dw), C3326 (C3326dw), C3426 (C3426dw), CS331 (CS331dw), CS431 (CS431dw), CS439 (CS439dn)	1500	218, 638, 836, 8c6, 8c9
C4150, CS720 (CS720de, CS720dte), CS725 (CS725de, CS725dte), CS725R, CS727 (CS727de), CS728 (CS728de)	5028	135, 630, 639
CX331 (CX331adwe), CX431 (CX431adw, CX431dw), MC3224 (MC3224adwe, MC3224dwe, MC3224i), MC3326 (MC3326adwe, MC3326i), MC3426 (MC3426adw, MC3426i), XC2326	3500	285, 485, 685, 876, 8c6, 8c9
CX421 (CX421adn), CX522 (CX522ade, CX522de), MC2325 (MC2325adw), MC2425 (MC2425adw), MC2535 (MC2535adwe), XC2235	7529	081, 230, 238, 436, 486, 496
CX532 (CX532adwe), XC2335	7531	276 (có dây), 286 (không dây), 289

Tên sản phẩm	Loại máy	Số hiệu mẫu máy
CX725 (CX725de, CX725dhe, CX725dthe), CX725R, CX727 (CX727de), XC4140, XC4143, XC4150	7528	196, 576, 578, 598
MB2236 (MB2236adw, MB2236adwe, MB2236i)	3400	481, 485
MB2338 (MB2338adw), MB2442 (MB2442adwe), MX321 (MX321adn, MX321adw), MX421 (MX421ade), XM1242	7017	238, 276, 278, 476, 478, 496
MB3442 (MB3442adw, MB3442i), MX331 (MX331adn, MX331dn), MX431 (MX431adn, MX431adw, MX431dn), MX432 (MX432adwe), XM1342, XM3142	7019	235, 4a6, 4b6, 486, 489, 6w6, 6w9
M3350, MS531 (MS531dw), MS631 (MS631dw), MS632 (MS632dwe), MS639	4602	470 (có dây), 480 (không dây), 630, 670 (có dây), 675 (có dây), 680 (không dây), 685 (không dây), 695